



**Công ty Cổ phần Xây dựng số 2**

**Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2017**

**Công ty Cổ phần Xây dựng số 2**  
**Thông tin về Công ty**

**Quyết định thành lập số** 1284/QĐ-BXD ngày 29 tháng 9 năm 2003

**Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số** 0103003086 ngày 24 tháng 10 năm 2003

**Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số** 0100105895 ngày 18 tháng 8 năm 2011

Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100105895 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 15 tháng 9 năm 2016.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Việt Cường	Chủ tịch (từ ngày 8/5/2017)
Ông Đỗ Trọng Quỳnh	Chủ tịch (đến ngày 8/5/2017)
Ông Trần Ngọc Long	Ủy viên
Ông Nguyễn Đăng Gò Ganh	Ủy viên
Ông Đỗ Trọng Huân	Ủy viên (từ ngày 25/4/2017)
Ông Đỗ Trọng Quỳnh	Ủy viên (từ ngày 8/5/2017)
Ông Nguyễn Việt Cường	Ủy viên (đến ngày 8/5/2017)
Ông Lò Hồng Hiệp	Ủy viên (đến ngày 25/4/2017)

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Trần Ngọc Long	Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Bảo Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Trọng Huân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Chính	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 12/6/2017)
Ông Nguyễn Việt Cường	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 8/5/2017)
Ông Vũ Duy Long	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 5/5/2017)

**Ban Kiểm soát**

Ông Đặng Thanh Huấn	Trưởng ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Kiên Trung	Thành viên
Ông Vũ Anh Tuấn	Thành viên

**Trụ sở đăng ký** Tầng 2 - 4, Tòa nhà D1 - Khu đô thị mới Kim Văn - Kim Lũ  
Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai  
Thành phố Hà Nội  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán** Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

Đ \* M.S.V  
V.N.A

**Công ty Cổ phần Xây dựng số 2**  
**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 44 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc


Trần Ngọc Long  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 7 tháng 3 năm 2018



KPMG Limited  
46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 7 tháng 3 năm 2018, được trình bày từ trang 5 đến trang 44.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề cần nhấn mạnh – số liệu so sánh

Chúng tôi không đưa ra ý kiến ngoại trừ nhưng lưu ý người đọc tới Thuyết minh số 38 của báo cáo tài chính đề cập đến việc số liệu so sánh tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được điều chỉnh lại theo kết quả kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

#### Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 17-02-141-KT-R



Trần Anh Quân, P.  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0306-2018-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 7 tháng 3 năm 2018

Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0861-2018-007-1

04  
T  
H  
IG  
1.F

**Công ty Cổ phần Xây dựng số 2**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017**

**Mẫu B 01 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND Đã điều chỉnh lại
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>1.892.395.694.047</b>	<b>2.261.251.736.791</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>84.793.502.217</b>	<b>118.395.542.613</b>
Tiền	111		9.793.502.217	22.813.119.640
Các khoản tương đương tiền	112		75.000.000.000	95.582.422.973
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>50.000.000.000</b>	<b>50.000.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	50.000.000.000	50.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>631.267.723.418</b>	<b>688.532.516.605</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	424.805.362.308	466.034.692.022
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		61.228.619.145	55.239.954.152
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		7.000.000.000	7.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	168.400.843.345	169.545.928.639
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(30.167.101.380)	(9.288.058.208)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>1.125.019.540.761</b>	<b>1.402.146.728.601</b>
Hàng tồn kho	141		1.125.019.540.761	1.402.146.728.601
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.314.927.651</b>	<b>2.176.948.972</b>
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		1.314.927.651	2.176.948.972

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Công ty Cổ phần Xây dựng số 2**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND Đã điều chỉnh lại
<b>Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>325.708.215.910</b>	<b>244.424.803.760</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>25.660.457.768</b>	<b>-</b>
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6	25.660.457.768	-
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>58.108.027.630</b>	<b>49.427.652.868</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	10	58.108.027.630	49.427.652.868
Nguyên giá	222		96.723.582.649	84.316.198.641
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(38.615.555.019)	(34.888.545.773)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		54.587.600	54.587.600
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(54.587.600)	(54.587.600)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>11</b>	<b>70.088.926.886</b>	<b>32.461.802.131</b>
Nguyên giá	231		73.350.916.076	34.606.444.203
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(3.261.989.190)	(2.144.642.072)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>99.023.516.406</b>	<b>86.282.717.922</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	99.023.516.406	86.282.717.922
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>13</b>	<b>44.414.519.872</b>	<b>61.016.396.211</b>
Đầu tư vào công ty con	251		18.650.000.000	16.150.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		28.991.355.000	48.991.355.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(3.226.835.128)	(4.124.958.789)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>28.412.767.348</b>	<b>15.236.234.628</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	28.412.767.348	15.236.234.628
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>2.218.103.909.957</b>	<b>2.505.676.540.551</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Công ty Cổ phần Xây dựng số 2**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 - DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND Đã điều chỉnh lại
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>1.917.284.172.000</b>	<b>2.213.806.812.156</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.753.872.348.874</b>	<b>2.205.838.291.059</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	309.409.581.569	245.638.420.418
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	399.268.658.778	737.551.044.255
Thuế và các khoản phải nộp				
Nhà nước	313	17	115.987.417.200	450.668.075.363
Phải trả người lao động	314		12.363.932.987	9.199.171.185
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	151.652.043.413	125.549.667.491
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	19	122.608.491	9.849.328.879
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	263.946.113.297	250.037.356.685
Vay ngắn hạn	320	21(a)	500.565.947.506	377.155.993.545
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		556.045.633	189.233.238
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>163.411.823.126</b>	<b>7.968.521.097</b>
Người mua trả tiền trước dài hạn	332	16	150.769.618.860	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	19	5.604.267.883	3.887.370.910
Vay dài hạn	338	21(b)	3.898.436.000	520.000.000
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		17.089.440	94.751.665
Dự phòng phải trả dài hạn	342		3.122.410.943	3.466.398.522

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



**Công ty Cổ phần Xây dựng số 2**

**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND Đã điều chỉnh lại
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>300.819.737.957</b>	<b>291.869.728.395</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>22</b>	<b>300.819.737.957</b>	<b>291.869.728.395</b>
Vốn cổ phần	411	23	150.000.000.000	150.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		150.000.000.000	150.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		23.218.959.196	23.218.959.196
Quỹ đầu tư phát triển	418	25	72.664.216.819	80.086.693.454
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.607.255.027	1.667.255.027
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		53.329.306.915	36.896.820.718
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		27.101.889.558	2.214.339.413
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		26.227.417.357	34.682.481.305
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>2.218.103.909.957</b>	<b>2.505.676.540.551</b>

Ngày 7 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Nguyễn Thị Hung Hoa  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Đỗ Quang Việt  
Kế toán trưởng



Trần Ngọc Long  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Công ty Cổ phần Xây dựng số 2**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

Mẫu B 02 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND Đã điều chỉnh lại
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	2.040.129.059.504	1.019.119.888.722
Giá vốn hàng bán	11	27	1.817.969.042.507	879.131.535.493
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>222.160.016.997</b>	<b>139.988.353.229</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	9.604.304.030	3.242.307.404
Chi phí tài chính	22	29	28.005.678.150	11.238.258.503
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		28.903.801.811	13.793.339.205
Chi phí bán hàng	25	30	43.226.207.940	4.507.161.700
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	79.845.445.233	46.451.205.418
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)</b>	<b>30</b>		<b>80.686.989.704</b>	<b>81.034.035.012</b>
Thu nhập khác	31	32	4.336.813.093	3.929.530.080
Chi phí khác	32	33	32.774.045.042	31.866.226.743
<b>Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(28.437.231.949)</b>	<b>(27.936.696.663)</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>52.249.757.755</b>	<b>53.097.338.349</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	35	26.100.002.623	18.283.845.736
<b>Lợi ích thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>35</b>	<b>(77.662.225)</b>	<b>(31.583.892)</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>26.227.417.357</b>	<b>34.845.076.505</b>

Ngày 7 tháng 3 năm 2018

Người lập:

*Nguyễn Thị Hưng Hoa*

Nguyễn Thị Hưng Hoa  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

*Đỗ Quang Việt*

Đỗ Quang Việt  
Kế toán trưởng



*Trần Ngọc Long*  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



**Công ty Cổ phần Xây dựng số 2**

**Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm  
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

11

**Công ty Cổ phần Xây dựng số 2**  
**Thông tin về Công ty**

**Quyết định thành lập số** 1284/QĐ-BXD ngày 29 tháng 9 năm 2003

**Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số** 0103003086 ngày 24 tháng 10 năm 2003

**Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số** 0100105895 ngày 18 tháng 8 năm 2011

Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100105895 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 15 tháng 9 năm 2016.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Việt Cường	Chủ tịch (từ ngày 8/5/2017)
Ông Đỗ Trọng Quỳnh	Chủ tịch (đến ngày 8/5/2017)
Ông Trần Ngọc Long	Ủy viên
Ông Nguyễn Đăng Gò Ganh	Ủy viên
Ông Đỗ Trọng Huân	Ủy viên (từ ngày 25/4/2017)
Ông Đỗ Trọng Quỳnh	Ủy viên (từ ngày 8/5/2017)
Ông Nguyễn Việt Cường	Ủy viên (đến ngày 8/5/2017)
Ông Lò Hồng Hiệp	Ủy viên (đến ngày 25/4/2017)

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Trần Ngọc Long	Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Bảo Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Trọng Huân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Chính	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 12/6/2017)
Ông Nguyễn Việt Cường	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 8/5/2017)
Ông Vũ Duy Long	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 5/5/2017)

**Ban Kiểm soát**

Ông Đặng Thanh Huân	Trưởng ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Kiên Trung	Thành viên
Ông Vũ Anh Tuấn	Thành viên

**Trụ sở đăng ký**

Tầng 2 - 4, Tòa nhà D1 - Khu đô thị mới Kim Văn - Kim Lũ  
Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai  
Thành phố Hà Nội  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

Đ. N. T. R. N. A. M.

**Công ty Cổ phần Xây dựng số 2**  
**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 49 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty và các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc   
  
Trần Ngọc Long  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 7 tháng 3 năm 2018

100  
CỔ  
H NI  
KH  
7 LI



KPMG Limited  
46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 7 tháng 3 năm 2018, được trình bày từ trang 5 đến trang 49.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề cần nhấn mạnh – số liệu so sánh

Chúng tôi không đưa ra ý kiến ngoại trừ nhưng lưu ý người đọc tới Thuyết minh số 40 của báo cáo tài chính đề cập đến việc số liệu so sánh tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được điều chỉnh lại theo kết quả kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

#### Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 17-02-141-KT-HN



Trần Anh Tuấn  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0306-2018-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 7 tháng 3 năm 2018

Đàm Xuân Lâm  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0861-2018-007-1

17-02-141-KT-HN

**Công ty Cổ phần Xây dựng số 2**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017**

**Mẫu B 01 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND Đã điều chỉnh lại
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>1.949.770.584.502</b>	<b>2.307.067.131.736</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>89.598.010.197</b>	<b>133.179.198.211</b>
Tiền	111		12.065.010.197	29.596.775.238
Các khoản tương đương tiền	112		77.533.000.000	103.582.422.973
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>56.980.000.000</b>	<b>56.060.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	56.980.000.000	56.060.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>662.837.002.154</b>	<b>700.952.103.227</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	450.958.849.993	476.174.942.039
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		67.641.617.271	59.036.618.858
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		7.000.000.000	7.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	167.957.297.598	168.429.997.366
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(30.720.762.708)	(9.689.455.036)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>1.138.905.395.904</b>	<b>1.414.420.736.171</b>
Hàng tồn kho	141		1.139.490.288.572	1.415.005.628.839
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(584.892.668)	(584.892.668)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.450.176.247</b>	<b>2.455.094.127</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		102.843.246	216.796.667
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		27.405.350	56.348.488
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		1.319.927.651	2.181.948.972

T.N.H.H \* 10/17

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



**Công ty Cổ phần Xây dựng số 2**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND Đã điều chỉnh lại
<b>Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>309.988.479.083</b>	<b>232.156.015.135</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>25.660.457.768</b>	<b>-</b>
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	7	25.660.457.768	-
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>59.578.038.406</b>	<b>49.821.099.585</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	11	59.578.038.406	49.821.099.585
Nguyên giá	222		99.647.406.074	87.004.434.728
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(40.069.367.668)	(37.183.335.143)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		54.587.600	54.587.600
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(54.587.600)	(54.587.600)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>12</b>	<b>70.088.926.886</b>	<b>32.461.802.131</b>
Nguyên giá	231		73.350.916.076	34.606.444.203
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(3.261.989.190)	(2.144.642.072)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>100.196.038.382</b>	<b>88.627.761.875</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	100.196.038.382	88.627.761.875
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>14</b>	<b>25.764.519.872</b>	<b>45.880.910.252</b>
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		28.991.355.000	48.991.355.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(3.226.835.128)	(3.110.444.748)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>28.700.497.769</b>	<b>15.364.441.292</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	28.700.497.769	15.364.441.292
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>2.259.759.063.585</b>	<b>2.539.223.146.871</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Công ty Cổ phần Xây dựng số 2**

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND Đã điều chỉnh lại
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>1.954.044.150.901</b>	<b>2.246.932.074.866</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.790.632.327.775</b>	<b>2.238.963.553.769</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	325.308.312.719	265.522.454.488
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	407.892.917.867	745.353.862.233
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	117.764.279.899	452.033.188.123
Phải trả người lao động	314		14.061.259.777	10.476.275.359
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	160.520.347.020	132.329.572.887
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	20	122.608.491	9.849.328.879
Phải trả ngắn hạn khác	319	21	258.940.786.009	244.873.780.556
Vay ngắn hạn	320	22(a)	504.951.827.192	377.155.993.545
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		418.861.492	1.060.862.785
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		651.127.309	308.234.914
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>163.411.823.126</b>	<b>7.968.521.097</b>
Người mua trả tiền trước dài hạn	332	17	150.769.618.860	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	20	5.604.267.883	3.887.370.910
Vay dài hạn	338	22(b)	3.898.436.000	520.000.000
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		17.089.440	94.751.665
Dự phòng phải trả dài hạn	342		3.122.410.943	3.466.398.522

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Công ty Cổ phần Xây dựng số 2**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND Đã điều chỉnh lại
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>305.714.912.684</b>	<b>292.291.072.005</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>23</b>	<b>305.714.912.684</b>	<b>292.291.072.005</b>
Vốn cổ phần	411	24	150.000.000.000	150.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		150.000.000.000	150.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		23.218.959.196	23.221.689.196
Quỹ đầu tư phát triển	418	26	73.115.326.640	80.537.803.275
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.607.255.027	1.667.255.027
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		51.099.827.314	30.898.225.281
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		21.103.294.120	1.570.304.945
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		29.996.533.194	29.327.920.336
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		6.673.544.507	5.966.099.226
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>2.259.759.063.585</b>	<b>2.539.223.146.871</b>

Ngày 7 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Nguyễn Thị Hưng Hoa  
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Đỗ Quang Việt  
 Kế toán trưởng



Trần Ngọc Long  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Công ty Cổ phần Xây dựng số 2**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

**Mẫu B 02 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND Đã điều chỉnh lại
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	2.096.870.603.250	1.043.089.843.441
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	28	1.860.962.515.578	899.563.381.571
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>235.908.087.672</b>	<b>143.526.461.870</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	10.311.119.622	3.666.244.816
Chi phí tài chính	22	30	29.116.536.584	13.067.566.202
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		29.000.146.205	14.173.474.541
Chi phí bán hàng	25	31	43.226.207.940	4.507.161.700
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	87.005.833.990	52.246.767.690
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)</b>	<b>30</b>		<b>86.870.628.780</b>	<b>77.371.211.094</b>
Thu nhập khác	31	33	4.584.723.448	5.010.574.808
Chi phí khác	32	34	33.804.777.747	34.032.063.075
<b>Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(29.220.054.299)</b>	<b>(29.021.488.267)</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>57.650.574.481</b>	<b>48.349.722.827</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	36	27.026.988.231	18.278.337.329
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	36	(77.662.225)	(31.583.892)
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)</b>	<b>60</b>		<b>30.701.248.475</b>	<b>30.102.969.390</b>

**Công ty Cổ phần Xây dựng số 2**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
(tiếp theo)

**Mẫu B 02 - DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND Đã điều chỉnh lại
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b> (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang từ trang trước)	60		30.701.248.475	30.102.969.390
<b>Phân bổ cho:</b>				
Cổ đông của công ty mẹ	61		29.996.533.194	29.327.920.336
Cổ đông không kiểm soát	62		704.715.281	775.049.054
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	37	2.000	1.969

Ngày 7 tháng 3 năm 2018

Người lập:

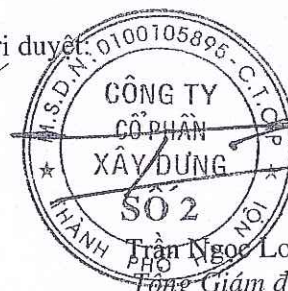


Nguyễn Thị Hưng Hoa  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Đỗ Quang Việt  
Kế toán trưởng



Trần Ngọc Long  
Tổng Giám đốc



STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Số tiền	Ghi chú
	Quỹ đầu tư phát triển	Đồng	13.415.257.420	35% LN còn lại
	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Đồng	19.842.000.000	
	Thưởng HĐQT, BĐH, BKS do lợi nhuận vượt mức kế hoạch	Đồng	455.550.000	
	Lợi nhuận chưa phân phối để lại	Đồng	4.616.499.495	

(\*) Công ty kê khai điều chỉnh nộp Ngân sách nhà nước số thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) đã kê khai giảm 50% trong các năm 2009 và 2010 theo công văn số 1401/BTC-TCT ngày 03 tháng 10 năm 2014 về việc xử lý ưu đãi thuế TNDN đối với doanh nghiệp niêm yết chứng khoán lần đầu trong giai đoạn 2004-2006 số tiền: 7.422.476.635 đồng mà công ty đã kết chuyển từ lợi nhuận sau thuế sang quỹ đầu tư phát triển trong năm 2009 và 2010.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

*Eui*  
**Nơi nhận:**

- ĐHCĐ thường niên năm 2018;
- Các thành viên HĐQT, Ban TGD, Ban KS;
- Lưu HC.

**T.M/ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
 CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**NGUYỄN VIỆT CƯỜNG**

**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

**V/v: Thông qua thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006 của Quốc hội;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần xây dựng số 2;
- Căn cứ yêu cầu công tác tổ chức hoạt động và quản lý của Công ty Cổ phần xây dựng số 2.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xây dựng số 2 kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua: Đề xuất về mức thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát của Công ty cổ phần xây dựng số 2 trong năm 2018 như sau:

**1/Thù lao cho Hội đồng quản trị:**

- + Chủ tịch Hội đồng quản trị: 10.000.000 đồng/người/tháng.
- + Thành viên Hội đồng quản trị: 7.500.000 đồng/người/tháng.

**2/Thù lao cho Ban kiểm soát:**


- + Trưởng ban kiểm soát: 5.000.000 đồng/người/tháng.
- + Thành viên Ban kiểm soát: 3.000.000 đồng/người/tháng.

Thù lao trả cho thành viên HĐQT và Ban kiểm soát được trả theo quý.

Kính trình đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

*Trân trọng !*

**Nơi nhận:**

- ĐHCĐ thường niên năm 2018;
- Các thành viên HĐQT, Ban TGD, Ban KS;
- Lưu TCHE. 

**T.M/ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**NGUYỄN VIỆT CƯỜNG**



TỔNG CÔNG TY CP VINACONEX  
CÔNG TY CP VINACONEX 2

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 118 /T.Tr-VC2-BKS

Hà Nội, ngày 07 tháng 03 năm 2018

## TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

*“V/v: Đề nghị ĐHĐCĐ thông qua lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty cổ phần Vinaconex 2”*

- Căn cứ Luật doanh nghiệp 2014 số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Vinaconex 2;
- Căn cứ kết quả thẩm tra của Ban Kiểm soát về công tác lập và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty.

Ban kiểm soát Công ty cổ phần Vinaconex 2 kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua uỷ quyền cho Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn một trong số các Công ty Kiểm toán sau đây thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 cho Công ty:

1. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam (Deloitte)
2. Công ty TNHH KPMG Việt Nam (KPMG)

Trân trọng cảm ơn!

TM. BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY  
TRƯỞNG BAN



Đặng Thanh Huân

Số: 100/GVC2/TT - HĐQT

Hà Nội, ngày 07 tháng 03 năm 2018

**TỜ TRÌNH SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ CÔNG TY  
TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY THƯỜNG NIÊN NĂM 2018**



- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội;
- Căn cứ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 và Thông tư 95/2017/TT-BTC hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần xây dựng số 2;
- Căn cứ yêu cầu công tác tổ chức hoạt động và quản lý của Công ty Cổ phần xây dựng số 2.

Điều lệ hiện hành	Điều lệ thay đổi	Giải trình thay đổi
<p><b>Điều 5: Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</b> 1. Vốn điều lệ Công ty tại thời điểm thông qua Điều lệ này: 150.000.000.000 đồng. Tổng số vốn điều lệ Công ty được chia thành 15.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Cơ cấu vốn Điều lệ phân theo sở hữu như sau: - Cổ phần thuộc sở hữu Tổng công ty CPXNK &amp; XD Việt Nam - Vinaconex: 7.685.142 cổ phần tương ứng với 76.851.420.000 đồng chiếm 51,23% vốn Điều lệ - Cổ đông khác: 7.314.858 cổ phần tương ứng với 73.148.580.000 đồng chiếm 48,77% vốn Điều lệ</p>	<p><b>Điều 5: Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</b> 1. Vốn điều lệ Công ty tại thời điểm thông qua Điều lệ này: 150.000.000.000 đồng. Tổng số vốn điều lệ Công ty được chia thành 15.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Cơ cấu vốn Điều lệ phân theo sở hữu như sau: - Cổ phần thuộc sở hữu Tổng công ty cổ phần xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam - Vinaconex: 5.400.000 cổ phần tương ứng với 54.000.000.000 đồng chiếm 36 % vốn Điều lệ - Cổ đông khác: 9.600.000 cổ phần tương ứng với 96.000.000.000 đồng chiếm 64 % vốn Điều lệ</p>	<p>Ngày 22/12/2017 Tổng công ty cổ phần Vinaconex thực hiện thoái vốn 15% cổ phần tại VC2</p>
<p><b>Điều 13. Đại hội đồng cổ đông</b> 3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty; b. Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ; c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;</p>	<p><b>Điều 13. Đại hội đồng cổ đông</b> 3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty; b. Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ; c. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;</p>	<p>Sửa đổi theo Điều 14 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017</p>

Điều lệ hiện hành	Điều lệ thay đổi	Giải trình thay đổi
<p><b>Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p> <p>.....</p> <p>o. Việc Tổng giám đốc điều hành đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;</p>	<p><b>Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p> <p>.....</p> <p><del>o. Việc Tổng giám đốc điều hành đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;</del></p>	<p>Sửa theo Khoản 2- Điều 12 Nghị định 71/2017/NĐ-CP về việc Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc của cùng 01 (một) công ty đại chúng</p>
<p><b>Điều 17: Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo Đại hội đồng cổ đông:</b></p> <p>2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội chậm nhất ba mươi (30) ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;</p> <p>b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;</p> <p>c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.</p> <p>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. <i>Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).</i> Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có</p>	<p><b>Điều 17: Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo Đại hội đồng cổ đông:</b></p> <p>2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại ĐHĐCĐ. <b>Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ;</b></p> <p>b. Chuẩn bị chương trình họp, nội dung đại hội;</p> <p>c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;</p> <p>d. Dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp;</p> <p>e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;</p> <p>f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.</p> <p>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. <b>Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).</b> Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có</p>	<p>Thuận lợi cho Công ty trong việc tổ chức ĐHĐCĐ theo quy định của Luật doanh nghiệp và Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017</p>

Điều lệ hiện hành	Điều lệ thay đổi	Giải trình thay đổi
thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.	thể tiếp cận.	
<p><b>Điều 19. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>8. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên tham gia đại hội.</p> <p>9. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:</p> <p>a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;</p> <p>c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.</p> <p>Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.</p> <p>10. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:</p> <p>a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);</p> <p>b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;</p> <p>Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.</p>	<p><b>Điều 19. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>8. Người triệu tập họp ĐHCĐ có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Người triệu tập họp ĐHCĐ cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, Người triệu tập họp ĐHCĐ sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên tham gia đại hội.</p> <p>9. Người triệu tập họp ĐHCĐ, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Người triệu tập họp ĐHCĐ cho là thích hợp để:</p> <p>a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;</p> <p>c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.</p> <p>Người triệu tập họp ĐHCĐ có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Người triệu tập họp ĐHCĐ thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.</p> <p>10. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, Người triệu tập họp ĐHCĐ khi xác định địa điểm đại hội có thể:</p> <p>a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);</p> <p>b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;</p> <p>Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.</p>	<p>Sửa theo Điều 20 Điều lệ mẫu ban hành kèm Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017, vì Hội đồng quản trị hoặc nhóm cổ đông đủ điều kiện có thể triệu tập ĐHCĐ</p>

Điều lệ hiện hành	Điều lệ thay đổi	Giải trình thay đổi
<p><b>Điều 21. Thâm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>Thâm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.</p> <p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.</p>	<p><b>Điều 21. Thâm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>Thâm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.</p> <p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất <b>mười (10)</b> ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.</p>	<p>Sửa đồng nhất với Điều 17 Điều lệ Công ty, quy định về thời gian thích hợp gửi thư cho cổ đông</p>
<p><b>Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</b></p>	<p><b>Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p><b>Bổ sung thêm:</b></p> <p>Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</li> <li>Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</li> <li>Chương trình họp và nội dung cuộc họp;</li> <li>Họ, tên chủ tọa và thư ký;</li> <li>Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;</li> <li>Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;</li> <li>Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ,</li> </ol>	<p>Bổ sung theo Điều 23 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017</p>

Điều lệ hiện hành	Điều lệ thay đổi	Giải trình thay đổi
	<p>không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;</p> <p>h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;</p> <p>i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.</p>	
<p><b>Điều 24: Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT</b></p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là 05 người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị độc lập (đối với công ty đại chúng quy mô lớn và công ty niêm yết) phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành/độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.</p> <p>5. <del>Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.</del></p>	<p><b>Điều 24: Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT</b></p> <p><b>Bổ sung thêm nội dung: Ứng cử, đề cử thành viên HĐQT</b></p> <p>1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;</li> <li>Trình độ học vấn;</li> <li>Trình độ chuyên môn;</li> <li>Quá trình công tác;</li> <li>Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;</li> <li>Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;</li> <li>Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);</li> <li>Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);</li> <li>Các thông tin khác (nếu có).</li> </ol> <p>2. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</li> <li>- Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như</li> </ul>	<p>Theo quy định tại Điều 11 Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017</p>

Điều lệ hiện hành	Điều lệ thay đổi	Giải trình thay đổi
	<p>sau:  <b>Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị Công ty niêm yết phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành và thành viên Hội đồng quản trị độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.</b>  <b><u>Bãi bỏ mục 5 Điều 24 Điều lệ Công ty</u></b></p>	
<p><b><u>Điều 26: Chủ tịch Hội đồng quản trị</u></b></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch. <del>Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc điều hành của Công ty. Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Tổng giám đốc điều hành phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.</del>  :.....</p>	<p><b><u>Điều 26: Chủ tịch HĐQT</u></b></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch. Chủ tịch HĐQT không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc của cùng 01 Công ty đại chúng.</p>	<p>Theo khoản 2 Điều 12 Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017</p>
<p><b><u>Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</u></b></p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:  a. Tổng giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý khác;  b. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;  c. Ban kiểm soát.</p> <p>4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 27 phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm (15) ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không</p>	<p><b><u>Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</u></b></p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:  a. Tổng giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý khác;  b. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;  c. Ban kiểm soát.  <b>d. Thành viên độc lập HĐQT</b>  <b>e. Các trường hợp khác (nếu có)</b></p> <p>4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn <b>bảy (7) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Chủ tịch HĐQT.</b> Trường hợp Chủ tịch Hội</p>	<p>Sửa theo Điều 30 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 95/2017/TT-BTC và Điều 153 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13</p>

Điều lệ hiện hành	Điều lệ thay đổi	Giải trình thay đổi
<p>chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều 27 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền). Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p> <p><del>15. Hội đồng quản trị có thể thành lập và uỷ quyền cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.</del></p> <p><del>16. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.</del></p>	<p>đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều 27 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền). Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (7) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p> <p>15. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>16. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.</p>	<p>Sửa theo Điều 31 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 95/2017/TT-BTC</p>



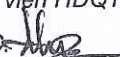
Điều lệ hiện hành	Điều lệ thay đổi	Giải trình thay đổi
<p><b>Điều 30: Bỏ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc điều hành</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc điều hành; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan khác. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc điều hành phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.</p> <p>2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc điều hành là ba (03) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc điều hành không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này.</p>	<p><b>Điều 30: Bỏ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc điều hành</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc điều hành; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan khác. <b>Thông tin về thù lao, tiền lương, lợi ích khác của Tổng giám đốc điều hành phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.</b></p> <p>2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	<p>Theo quy định tại Điều 157 Luật doanh nghiệp và theo Điều 35 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017</p>

Điều lệ hiện hành	Điều lệ thay đổi	Giải trình thay đổi
<p><b><u>Điều 31. Thư ký Công ty</u></b></p> <p><del>Hội đồng quản trị chỉ định một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:</del></p> <ol style="list-style-type: none"> <li><del>1. Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát.</del></li> <li><del>2. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp.</del></li> <li><del>3. Tham dự các cuộc họp.</del></li> <li><del>4. Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp.</del></li> <li><del>5. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.</del></li> </ol> <p><del>Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</del></p>	<p><b><u>Điều 31. Người phụ trách quản trị Công ty</u></b></p> <p>Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.</p> <p>Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>a. Có hiểu biết về pháp luật;</li> <li>b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;</li> <li>c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.</li> </ol> <p>Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.</p> <p>Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;</li> <li>b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</li> <li>c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</li> <li>d. Tham dự các cuộc họp;</li> <li>e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;</li> <li>f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;</li> <li>g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.</li> <li>h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;</li> <li>i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</li> </ol>	<p>Sửa theo Điều 18 Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017</p>

Điều lệ hiện hành	Điều lệ thay đổi	Giải trình thay đổi
<p><b><u>Điều 32: Kiểm soát viên</u></b></p> <p>1. Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) thành viên. Kiểm soát viên không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát phải có ít nhất một (01) Kiểm soát viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.</p> <p><b><u>Kiểm soát viên không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một (01) Kiểm soát viên làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán.</u></b></p>	<p><b><u>Điều 32: Kiểm soát viên</u></b></p> <p><b><u>1. Bổ sung thêm nội dung: Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên:</u></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1 Điều 24 Điều lệ này.</li> <li>- Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</li> </ul> <p><b><u>2. Kiểm soát viên:</u></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng Kiểm soát viên ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là năm (05) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</li> <li>- Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;</li> <li>b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.</li> </ul> </li> <li>- Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. <b>Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.</b></li> </ul>	<p>Sửa đổi theo Điều 19, Điều 20 Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017</p>
<p><b><u>Điều 33. Ban kiểm soát</u></b></p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho</p>	<p><b><u>Điều 33. Ban kiểm soát</u></b></p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. <b>Người phụ trách quản trị Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp</b></p>	<p>Thay Thư ký bằng Người phụ trách quản trị Công ty phù hợp theo quy định tại Điều 18 Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017</p>

Điều lệ hiện hành	Điều lệ thay đổi	Giải trình thay đổi
các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.	cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.	
<b><u>Điều 35. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</u></b>	<b><u>Bổ sung thêm nội dung:</u></b> 1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.	Bổ sung theo Điều 40 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 95/2017/TT-BTC

**Nơi nhận:**

- ĐHĐCĐ thường niên năm 2018;
- Các thành viên HĐQT, Ban TGD, Ban KS;
- Lưu TCHC: 

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



  
**NGUYỄN VIỆT CƯỜNG**